30/QT-TCNDTNT-TCHC-01.BNL.BM01

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**Đơn vị….** *…………, ngày …. tháng …. năm …..*

## PHIẾU LẤY Ý KIẾN

**Bổ nhiệm lại …………….**

*(Dùng tại cuộc họp )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ hiện tại** | **Thời gian bổ nhiệm** | **Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chức trách, nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | **Ý kiến** | |
| Phẩm chất  đạo đức | | | Năng lực chuyên môn | | | | Năng lực điều hành | | | | Đồng ý bổ nhiệm lại | Không đồng ý bổ  nhiệm  lại |
| *Tốt* | *T B* | *Yếu* | *Hoàn thành*  *XS* | *Hoàn thành*  *tốt* | *Hoàn thành* | *Chưa HT* | *Hoàn thành*  *XS* | *Hoàn thành*  *tốt* | *Hoàn thành* | *Chưa HT* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Đánh giá ở mức độ nào và đồng ý hoặc không đồng ý thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng.*

30/QT-TCNDTNT-TCHC-01.BNL.BM02

*01-BNL*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG – TBXH KHÁNH HÒA  **ĐƠN VỊ….** | **CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày…..tháng…..năm….* |

## TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị bổ nhiệm lại………**

Kính gửi:………………………

Đơn vị………..có…..trường hợp đồng chí…………..bổ nhiệm giữ chức vụ…………….từ ngày… nay đã đến thời hạn bổ nhiệm lại.

Ngày……….., đơn vị………..đã tiến hành hội nghị xem xét, đề nghị bổ nhiệm lại chức vụ………đối với đồng chí……….

Tóm tắt về đồng chí………….

- Ngày tháng năm sinh; ngạch công chức, viên chức; quê quán; dân tộc; trình độ học vấn; lý luận chính trị; quản lý nhà nước; tin học; ngoại ngữ;…

- Tóm tắt ưu khuyết điểm.

Kết quả tín nhiệm:

- Tại Hội nghị …., …../….. phiếu đồng ý, đạt tỉ lệ……%

- Tại Hội nghị Chi bộ…….., …../….. đồng chí biểu quyết đồng ý, đạt tỉ

lệ…..%

- Tại Hội nghị…….., …../….. phiếu đồng ý, đạt tỉ lệ ….%

Đơn vị…………..đề nghị……..xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  -…………….  -……………… | **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  *(Ký ghi rõ họ tên)* |

30/QT-TCNDTNT-TCHC-02.BN/BNL.BM03

*02-BN/BNL*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG – TBXH KHÁNH HÒA  **ĐƠN VỊ….** | **CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *…………, ngày…..tháng…..năm….* |

## BẢN TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Họ và tên:....................................................................................................

Đơn vị công tác:..........................................................................................

Chức vụ: .....................................................................................................

Với nhiệm vụ được phân công là …….., trong thời gian qua tôi đã

…………. hoàn thành được các công việc như sau:

## 1/ Thực hiện trức trách nhiệm vụ được giao:

.........................................................................................................................

## 2/ Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

.........................................................................................................................

## 3/ Chiều hướng và triển vọng phát triển

*Ưu điểm:*

.........................................................................................................................

*Tồn tại:*

.........................................................................................................................

**4/ Tự đánh giá về mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ:** *(chọn 1 trong 4 nội dung sau)*.

- Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ.

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ.

- Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

- Chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

## Người tự nhận xét, đánh giá

*(Ký ghi rõ họ tên)*

*01-KĐĐV*

30/QT-TCNDTNT-TCHC-01/KĐĐV.BM04

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ SỞ LAO ĐỘNG – TBXH KHÁNH HOÀ  **CHI BỘ ………..** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
|  | *………., ngày …… tháng …. năm…* |

## BẢN KIỂM ĐIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên: …………………… Ngày tháng năm sinh: …………………….

Chức vụ đảng: ………………………………………………..

Chức vụ chính quyền: ..............................................................................

Chức vụ đoàn thể: ………………………………………………………

Sinh hoạt tại Chi bộ: ……........................................................................

## Ưu điểm, kết quả công tác:

### Về tư tưởng chính trị:

................................................................................................................

### Về phẩm chất đạo đức lối sống:

...................................................................................................................

### Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:

...................................................................................................................

### Về tổ chức kỷ luật:

...................................................................................................................

## Khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân:

...................................................................................................................

## Phương hướng và biện pháp khắc phục:

...................................................................................................................

## Tự nhận mức xếp loại chất lượng:

* 1. *Xếp loại chất lượng công chức, viên chức, công chức*

Hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ.

Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ.

Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

Chưa hoàn thành chức trách, nhiệm vụ.

*2. Xếp loại chất lượng đảng viên*

Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ.

Đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ.

## Người kiểm điểm

*(Ký ghi rõ họ tên*

*)*

30/QT-TCNDTNT-TCHC.BM05

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND XÃ ……….** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…….., ngày …. tháng …. năm …..* |

**NHẬN XÉT**

**CỦA NƠI CƯ TRÚ**

Ủy ban nhân dân xã :……………………………………………………….

Xác nhận đối với ông (bà):…………………………………………………….

Địa chỉ thường trú: …………………………………………………….

Hiện đang công tác tại: …………………………………………………….

**1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định nơi cư trú:**

…………………………………………………….……………………………………………………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….

…………………………………………………….…………………………………

**2. Về phẩm chất đạo đức lối sống:**

…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….………………………………

**3. Mối quan hệ với địa phương và nhân dân nơi cư trú:**

…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….………………………

**4. Nhận xét khác:**

…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….…………………………………………………….………………………

|  |  |
| --- | --- |
| *, ngày tháng năm*  **Trưởng thôn ………..** | **TM. UBND XÃ ……………** |

30/QT-TCNDTNT-TCHC.BM06

2C/TCTW-98

Tỉnh **Khánh Hòa**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Đơn vị trực thuộc: **Sở Lao động-TBXH**

Đơn vị cơ sở:

Số hiệu cán bộ, công chức

1) Họ và tên khai sinh: Nam, nữ:

2) Các tên gọi khác:

3) Cấp ủy hiện tại: Cấp ủy kiêm:

Chức vụ:

Phụ cấp chức vụ:

4) Sinh ngày tháng năm 5) Nơi sinh:

6) Quê quán:

7) Nơi ở hiện nay: Điện thoại:

8) Dân tộc: 9) Tôn giáo:

10) Thành phần gia đình xuất thân:

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi tuyển dụng:

12) Ngày được tuyển dụng: vào cơ quan:

13) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác: Ngày tham gia cách mạng:

14) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: Ngày chính thức:

15) Ngày tham gia tổ chức chính trị xã hội: - Đoàn viên công đoàn

16) Ngày nhập ngũ: Ngày xuất ngũ:

17) Trình độ học vấn: ; Học hàm học vị cao nhất:

- Lý luận chính trị: Ngoại ngữ:

18) Công tác chính đang làm:

19) Ngạch công chức: Bậc lương: - hệ số: từ tháng

20) Danh hiệu được phong:

21) Sở trường công tác: Công việc đã làm lâu nhất:

22) Khen thưởng:

23) Kỷ luật:

24) Tình trạng sức khoẻ: Cao: Cân nặng: Nhóm máu:

25) Số chứng minh nhân dân: Thương binh loại: Gia đình liệt sỹ

26) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên trường | Ngành học | Thời gian học | Hình thức học | Văn bằng, chứng chỉ trình độ gì |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

|  |  |
| --- | --- |
| Từ tháng năm đến tháng năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể) |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

a/ Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai những vấn đề gì:………….

b/ Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc):………………

29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu):………

- Có thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ):

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

**a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (chồng), các con, anh chị em ruột**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị xã hội |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**b) Cha, mẹ, anh chị em ruột (bên vợ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị xã hội |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

31) HOÀN CẢNH KINH TẾ GIA ĐÌNH

- **Quá trình lương của bản thân**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- **Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm): + Lương**: đồng/năm

+ Các nguồn khác:

- Nhà ở: + Được cấp, được thuê, loại nhà:

+ Nhà tự mua, tự xây, loại nhà: , tổng diện tích sử dụng:

- Đất ở: + Đất được cấp: + Đất tự mua:

- Đất sản xuất kinh doanh (tổng diện tích đất được cấp, tự mua, tự khai phá):

**Người khai** *Ngày tháng năm*

Tôi xin cam đoan những **Xác nhận của cơ quan quản lý**

lời khai trên đây là đúng sự thật

(Ký tên)

30/QT-TCNDTNT-TCHC.BM07

**PHỤ LỤC II**

**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**  
(*Kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ)*

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**Tính đến thời điểm quy hoạch.**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Năm sinh:

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trung tâm Dạy nghề Khánh Vĩnh.

- Hộ khẩu thường trú:.

- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên Vợ: Năm sinh: 1988

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện tại:

b) Con thứ hai (trở lên): **Không.**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1**. Nhà ở, công trình xây dựng:** **Không (Ở chung nhà với cha mẹ)**

a) Nhà ở: **Không**

- Nhà thứ 1:

+ Loại nhà: …………………………Cấp công trình …………………………...

+ Diện tích xây dựng: …………………………………………………………....

+ Giá trị: ………………………………………………………………………....

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ……………………………………………....

+ Thông tin khác (nếu có): ……………………………………………………....

- Nhà thứ 2 (Trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất

b) Công trình xây dựng khác: **Không**

- Công trình thứ 1: …………………………………………………………….....

+ Loại công trình ………………………….Cấp công trình ………………….....

+ Diện tích: ………………………………………………………………….......

+ Giá trị: ……………………………………………………………………........

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ……………………………………………....

+ Thông tin khác (nếu có): ……………………………………………………....

- Công trình thứ 2 (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

2. Quyền sử dụng đất:

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất: **Không**

+ Địa chỉ: …………………………………………………………………….......

+ Diện tích: ………………………………………………………………….......

+ Giá trị: ……………………………………………………………………........

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ……………………………………………..

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác: **Không.**

- Mảnh thứ nhất: ....................................................................................................

+ Địa chỉ: ………………………………………………………………………...

+ Diện tích: ……………………………………………………………………...

+ Giá trị: …………………………………………………………………………

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ……………………………………………..

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………

- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

3. Tiền (Tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: **Không**.

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (Máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tầu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên: **Không**

- Ô tô

- Mô tô

- Xe gắn máy

- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)

- Tầu thủy

- Tầu bay

- Thuyền

- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên: **Không.**

**-** Kim loại quý

- Đá quý

- Cổ phiếu

- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh

- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác : **Không**.

6. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên *(Như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác):* **Không.**

**7.** Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt nam: **Không.**

8. Các khoản nợ gồm: Các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: **Không.**

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoảng lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác:

**III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm: Không**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại tài sản** | **Tăng/giảm** | **Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm** |
| 1. Nhà ở; công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó): |  |  |
| a) Nhà ở: |  |  |
| b) Công trình xây dựng khác: |  |  |
| 2. Quyền sử dụng đất (Tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó): |  |  |
| a) Đất ở: |  |  |
| b) Các loại đất khác: |  |  |
| 3. Tiền (Tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. |  |  |
| 4. Các loại động sản: |  |  |
| - Ô tô |  |  |
| - Mô tô |  |  |
| - Xe gắn máy |  |  |
| - Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác) |  |  |
| - Tầu thủy |  |  |
| - Tầu bay |  |  |
| - Thuyền |  |  |
| - Những động sản khác mà Nhà nước quản lý ( theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) |  |  |
| 5. Các loại tài sản: |  |  |
| - Kim loại quý |  |  |
| - Đá quý |  |  |
| - Cổ phiếu |  |  |
| - Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh |  |  |
| - Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên |  |  |
| 6. Các loại tài sản khác (*như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác)* mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. |  |  |
| 7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. |  |  |
| 8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các loại tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên |  |  |
| 9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam |  |  |

*(Người kê khai tự xác định các loại tài sản tăng, giảm trong kỳ kê khai và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm).*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày nhận bản kê khai tài sản, thu nhập Khánh Vĩnh, ngày … tháng … năm ….* **Người nhận bản kê khai** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)* | *Ngày hoàn thành kê khai tài sản, thu nhập Khánh Vĩnh, ngày tháng năm ….* **Người kê khai tài sản** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |